

Số: 3418 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông
tuyến Quốc lộ 1A nối Quốc lộ 217 kéo dài, Huyện Hà Trung**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi một số điều Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1559/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 phê duyệt dự án; số 3210/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình; số 2592/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quốc lộ 1A nối Quốc lộ 217 kéo dài, huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 5288/TTr-SGTVT ngày 07/10/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quốc lộ 1A nối Quốc lộ 217 kéo dài, huyện Hà Trung; kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 5079/SGTVT-TĐKHKT ngày 27/9/2022 và hồ sơ điều chỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quốc lộ 1A nối Quốc lộ 217 kéo dài, huyện Hà Trung với những nội dung chính như sau:

I. Khái quát về dự án

- Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quốc lộ 1A nối Quốc lộ 217 kéo dài, huyện Hà Trung được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 với tổng mức đầu tư là 26.500.000.000 đồng; trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB:	7.129.734.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	15.891.806.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	395.561.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.370.456.000	đồng;
- Chi phí khác:	200.610.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	1.511.833.000	đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh (nguồn tiết kiệm chi sự nghiệp kinh tế hàng năm bố trí 50% tổng mức đầu tư dự án; nguồn kinh phí đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 bố trí 50% tổng mức đầu tư dự án).

- Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2020 - 2021.

- Dự án đã được giao kế hoạch vốn 21 tỷ đồng (năm 2022 là 12 tỷ đồng). Hiện nay, đã thi công phần đường, rãnh thoát nước đạt 65% khối lượng hợp đồng (698m/1.030m); cầu qua sông Chiêu Bạch đã cơ bản hoàn thành.

II. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện, do vướng mắc giải phóng mặt bằng, nên để phù hợp với thực tế, đảm bảo tính khả thi và kết nối giữa Quốc lộ 1A và Quốc lộ 217 kéo dài theo hướng hiện đại, đồng bộ, UBND tỉnh đã điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 27/7/2022. Vì vậy, để đảm bảo theo quy định về đầu tư xây dựng, việc điều chỉnh dự án là phù hợp và cần thiết.

III. Nội dung điều chỉnh

1. Điều chỉnh quy mô

1.1. Cắt bỏ các đoạn tuyến chưa thi công: Tuyến chính đoạn từ Km0+300 - Km0+625,17, dài L=325,17m; tuyến nhánh đoạn từ Km0+398,64 - Km0+406,32, dài L=7,68m.

1.2. Bổ sung tuyến mới với chiều dài L=409m; giải pháp thiết kế cụ thể như sau:

a) Bình đồ: Điểm đầu Km0+00 giao với tuyến chính tại Km0+209; điểm cuối Km0+409 vượt nối vào Quốc lộ 217 kéo dài tại Km0+200; tổng chiều dài tuyến L=409m. Tổng số có 03 đường cong nằm, bán kính nhỏ nhất $R_{\min}=38m$.

b) Mặt cắt dọc:

Cao độ thiết kế trên cơ sở đường hiện trạng và lớp kết cấu áo đường tính toán, cao độ tại các điểm khống chế: điểm đầu tuyến (giao với tuyến chính tại

Km0+209 hiện đã hoàn thành) và điểm cuối tuyến vượt nối vào Quốc lộ 217 kéo dài tại Km0+200. Độ dốc dọc lớn nhất $I_m=0,75\%$.

c) Mặt cắt ngang: Bề rộng nền đường $B_n=7,5m$, bề rộng mặt đường $B_m=5,5m$, bề rộng lề đường $B_l=2x1m$; đối với những đoạn hai bên có bố trí vỉa hè, mặt đường được mở rộng đến mép đan rãnh. Vỉa hè được thiết kế theo hiện trạng, có bề rộng trung bình 3m.

d) Kết cấu áo đường: Các lớp kết cấu áo đường như dự án đã được phê duyệt; gồm: Mặt đường bằng bê tông nhựa C19 dày 7cm, móng đá dăm. Cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc}\geq 135Mpa$.

e) Nền đường: Toàn tuyến cơ bản là nền đắp bằng đất đòi đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đạt độ chặt $K\geq 0,95$, lớp trên cùng dày 50cm đạt độ chặt $K\geq 0,98$. Độ dốc mái taluy đắp 1/1,5, gia cố mái taluy bằng trồng cỏ.

f) Vỉa hè, đan rãnh, bó vỉa: Vỉa hè lát bằng gạch tarrazzo kích thước (300x300x27)mm, trên lớp VXM M75 dày 2cm và lớp cát đệm dày 5cm; đan rãnh bằng BTXM M200 kích thước (30x50x5)cm trên lớp móng bằng bê tông M100; bó vỉa đá kích thước (23x26x100)cm trên lớp VXM M75 dày 2cm và lớp móng bằng bê tông M100 dày 10cm.

f) Công trình thoát nước: Thoát nước mặt đường bằng hệ thống rãnh dọc đặt dưới vỉa hè, kết cấu bằng BTCT M250 đúc sẵn, tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh $B=0,5m$, chiều sâu thay đổi tùy theo địa hình. Tấm đan nắp rãnh bằng BTCT M300 lắp ghép, kích thước (80x100x15)cm, những vị trí qua đường ngang nắp rãnh có lớp phủ bản bằng BTXM M300 dày 6cm. Thu nước mặt đường qua các cửa thu, hố thu được bố trí dọc theo chiều dài tuyến với cự ly trung bình 30m/hố; hố thu bằng BTCT M250 lắp ghép có kích thước và kết cấu như kết cấu rãnh dọc; đáy hố thu sâu hơn đáy rãnh 30cm.

g) Nút giao, đường ngang:

- Nút giao: Nút giao với Quốc lộ 217 kéo dài tại Km0+200, dạng giao bằng, được vượt nối theo hiện trạng, bán kính nhánh rẽ nhỏ nhất $R_{min}=7,5m$; kết cấu nút giao như kết cấu trên tuyến.

- Đường ngang, đường giao dân sinh được vượt nối đảm bảo độ dốc dọc $I\leq 4\%$, mặt đường bằng BTXM M300.

h) An toàn giao thông: Bố trí hệ thống biển báo, vạch sơn tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

i) Điện chiếu sáng:

- Bố trí hệ thống chiếu sáng bên phải tuyến, khoảng cách trung bình 35m/cột; kết cấu cột thép tròn côn, cần rời cao 9m (11m tính cả phần cần), cần đèn vươn xa 1,5m. Trên mỗi cột lắp 01 chóa đèn chiếu sáng led 150W. Toàn bộ cột thép và cần đèn đều được mạ kẽm nhúng nóng.

- Tủ điều khiển: Lắp đặt 01 tủ điều khiển hình chữ nhật đứng kích thước (1,2x0,6x0,35)m đầu nối vào cột 0,4kv tại Km0+240 phải tuyến. Tủ điện được đặt trên lớp móng bằng BTXM M200.

(có hồ sơ thiết kế điều chỉnh dự án kèm theo).

2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 26.500.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ, năm trăm triệu đồng); trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB: 5.522.752.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 18.590.319.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 465.602.990 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 1.420.045.000 đồng;
- Chi phí khác: 190.210.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện: Từ “năm 2020 - 2021” thành “năm 2019 - 2022”.

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao UBND huyện Hà Trung tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 5079/SGTVT-TĐKHKT ngày 27/9/2022.

- Sở Giao thông vận tải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu, sự phù hợp với quy định của pháp luật về quy mô, nội dung, các giải pháp thiết kế, giá trị các hạng mục công trình được thẩm định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H’).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
DỰ ÁN: CẢI TẠO , NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN QUỐC LỘ 1A NỐI QUỐC LỘ 217 KÉO DÀI , HUYỆN HÀ TRUNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng.

TT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Giá trị theo QĐ số 3210/UBND ngày 10/8/2020	Giá trị đã thực hiện (đã trừ phần cắt giảm)	Giá trị điều chỉnh bổ sung	TMDT điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)
I	Chi phí GPMB		7.129.734.000	5.522.752.000	-	5.522.752.000	-1.606.982.000
II	Chi phí xây dựng	Dự toán chi tiết	15.470.222.000	13.497.408.000	5.092.911.000	18.590.319.000	3.120.097.000
III	Chi phí Quản lý dự án		387.459.000	338.048.719	127.554.271	465.602.990	78.144.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		1.214.421.000	1.118.457.000	301.588.000	1.420.045.000	205.624.000
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước Báo cáo NCKT	Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	6.379.000	6.379.000	-	6.379.000	-
2	Chi phí giám sát khảo sát lập Báo cáo NCKT		8.658.000	8.658.000	-	8.658.000	-
3	Chi phí khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi		193.293.000	193.293.000	-	193.293.000	-
4	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi		99.905.000	99.905.000	-	99.905.000	-
5	Chi phí khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh	Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện Hà Trung			61.240.000	61.240.000	61.240.000
6	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bổ sung				804.000	804.000	804.000
7	Chi phí giám sát khảo sát bổ sung				1.091.000	1.091.000	1.091.000
8	Chi phí lập cắm cọc GPMB và MLG	Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	39.499.000	39.499.000	-	39.499.000	-
9	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 15/06/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	2.147.000	2.147.000	-	2.147.000	-
10	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC		2.914.000	2.914.000	-	2.914.000	-
11	Chi phí khảo sát bước lập BVTC		71.550.000	71.550.000	-	71.550.000	-
12	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát, giám sát khảo sát bước BVTC điều chỉnh				2.121.000	2.121.000	2.121.000
13	Chi phí lập thiết kế BVTC điều chỉnh				30.000.000	30.000.000	30.000.000
14	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	Quyết định số 3210/QĐ-	204.980.000	204.980.000	67.481.000	272.461.000	67.481.000

15	Chi phí giám sát thi công xây dựng	UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	463.952.000	367.988.000	138.851.000	506.839.000	42.887.000
16	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 07/05/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	50.000.000	50.000.000	-	50.000.000	-
17	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm công trình)	Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	46.720.000	46.720.000	-	46.720.000	-
18	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn đầu tư		7.942.000	7.942.000	-	7.942.000	-
19	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)		15.509.000	15.509.000	-	15.509.000	-
20	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT các gói thầu tư vấn đầu tư		973.000	973.000	-	973.000	-
V	Chi phí khác		180.255.000	180.255.000	9.955.000	190.210.000	9.955.000
1	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	91.955.000	91.955.000	-	91.955.000	-
2	Chi phí bảo hiểm công trình		38.676.000	38.676.000	-	38.676.000	-
3	Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện		30.000.000	30.000.000	-	30.000.000	-
4	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng		4.505.000	4.505.000	-	4.505.000	-
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	7.665.000	7.665.000	-	7.665.000	-
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng		7.454.000	7.454.000	-	7.454.000	-
7	Phí thẩm định thiết kế BVTC điều chỉnh			5.047.000	5.047.000	5.047.000	
8	Phí thẩm định dự toán xây dựng điều chỉnh			4.908.000	4.908.000	4.908.000	
VI	Chi phí dự phòng		2.117.909.000	-	-	311.071.011	-1.806.838.000
1	Cho yếu tố khối lượng		1.807.367.000	-	-	311.071.011	-1.496.296.000
2	Cho yếu tố trượt giá		310.542.000	-	-	-	-310.542.000
TỔNG CỘNG (làm tròn)			26.500.000.000	20.656.921.000	5.532.008.000	26.500.000.000	0